

Số: 2455/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 12/4/2025 về Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-HV ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Quản trị kinh doanh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ được áp dụng từ Khóa đào tạo năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Phó Giám đốc Phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý Khoa học công nghệ & hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ Lao động; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Trưởng khoa đào tạo sau đại học và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).



PGS.TS Trần Quang Anh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	Quản trị kinh doanh
Tên ngành (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
Tên ngành (tiếng Anh):	Business Administration
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Định hướng chương trình:	Định hướng ứng dụng
Mã ngành:	8340101
Hình thức đào tạo:	Chính quy

(Kèm theo Quyết định số ~~2455~~ 2455/QĐ-HV ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung (Goals)

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhằm đào tạo nhà quản trị chất lượng cao, có nền tảng kiến thức quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và hội nhập quốc tế; có năng lực chuyên sâu về quản trị, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thiết kế, triển khai và đánh giá các giải pháp phát triển kinh doanh bền vững, có trách nhiệm, phù hợp với định hướng đại học số và đổi mới sáng tạo của Học viện.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives - POs)

PO1. Phát triển kiến thức quản trị hiện đại và năng lực phân tích bối cảnh kinh doanh trong môi trường số và hội nhập quốc tế.

Trang bị cho người học nền tảng kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại và năng lực phân tích bối cảnh kinh doanh trong môi trường số và hội nhập quốc tế, làm cơ sở cho việc hoạch định và thực thi các quyết định quản trị hiệu quả.

PO2. Phát triển năng lực quản trị chiến lược, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Phát triển cho người học năng lực quản trị chiến lược, tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp họ thiết kế, triển khai và đánh giá các mô hình, giải pháp phát triển kinh doanh phù hợp với môi trường cạnh tranh và biến động.

PO3. Phát triển năng lực lãnh đạo, quản trị sự thay đổi và dẫn dắt chuyển đổi số trong tổ chức.

Hình thành cho người học năng lực lãnh đạo, quản trị sự thay đổi và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số trong tổ chức thông qua việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công cụ

quản trị hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

PO4. Phát triển năng lực ra quyết định quản trị có trách nhiệm và hướng tới phát triển bền vững.

Phát triển cho người học năng lực ra quyết định quản trị dựa trên đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tư duy phát triển bền vững, biết đánh giá và cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Có khả năng tham gia và giải quyết tốt những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

- Có khả năng trở thành các doanh nhân, các nhà lãnh đạo, các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; có khả năng làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài, trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

- Có khả năng tự tạo lập hoặc cùng liên kết để khởi sự thành lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng làm giàu cho bản thân và mang lại nhiều giá trị cho xã hội.

- Có khả năng trở thành các cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, tiến sĩ các lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý ở trong nước hoặc ở ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

2. CHUẨN ĐẦU RA (Learning Outcomes – PLOs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
PLO1. Khả năng tích hợp kiến thức và phân tích quản trị kinh doanh hiện đại <i>Người học có khả năng tích hợp kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại để phân tích, đánh giá và phát triển các giải pháp quản trị sáng tạo cho các vấn đề kinh doanh</i>	C6, P4	PI1.1 – Phân tích và đánh giá có hệ thống bối cảnh kinh doanh <i>Người học phân tích và đánh giá một cách có hệ thống bối cảnh, xu hướng và vấn đề kinh doanh phức tạp trong môi trường số và hội nhập quốc tế, làm rõ nguyên nhân, mối quan hệ và tác động đa chiều đến hoạt động quản trị doanh nghiệp.</i>

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
<i>trong môi trường số và hội nhập quốc tế.</i>		PI1.2 – Phát triển giải pháp quản trị sáng tạo dựa trên tích hợp kiến thức quản trị kinh doanh <i>Người học tích hợp kiến thức quản trị kinh doanh, dữ liệu và công cụ phân tích hiện đại để đề xuất và phát triển các giải pháp quản trị mới hoặc cải tiến, phù hợp với bối cảnh thực tiễn và có tính khả thi trong doanh nghiệp.</i> PI1.3 – Vận dụng giải pháp vào việc ra quyết định quản trị <i>Người học vận dụng các giải pháp quản trị đã phát triển để lập luận, lựa chọn và bảo vệ quyết định quản trị trong các tình huống kinh doanh thực tế hoặc mô phỏng, thể hiện năng lực thực hành nghề nghiệp ở mức độ cao và độc lập.</i>
PLO2. Quản trị chiến lược và phát triển kinh doanh <i>Người học có khả năng xây dựng và triển khai chiến lược, đề xuất các giải pháp phát triển kinh doanh hiệu quả.</i>	C5, P4	PI2.1 - Phân tích và đánh giá môi trường chiến lược <i>Phân tích và đánh giá bối cảnh cạnh tranh, nguồn lực và năng lực cốt lõi của tổ chức để xây dựng hoặc điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp.</i> PI2.2 - Xây dựng và lựa chọn phương án chiến lược và giải pháp phát triển kinh doanh <i>Vận dụng thành thạo các mô hình và công cụ quản trị chiến lược hiện đại để xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược và giải pháp phát triển kinh doanh phù hợp.</i> PI2.3 - Triển khai, theo dõi và điều chỉnh chiến lược <i>Triển khai và đề xuất biện pháp theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện hiệu quả chiến lược kinh doanh của tổ chức.</i>
PLO3. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	C5, P3, A3	PI3.1 – Nhận thức & đánh giá <i>Người học phân tích và đánh giá được các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và xu hướng</i>

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mức độ năng lực	Các chỉ báo (PIs)
<i>Người học có khả năng thiết kế các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và dự án khởi nghiệp phù hợp với kinh tế số và nhu cầu thị trường, thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo và sẵn sàng chấp nhận rủi ro.</i>		<i>khởi nghiệp trong bối cảnh kinh tế số, trên cơ sở nhu cầu thị trường và điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp.</i> PI3.2 – Kỹ năng thực hành ở mức cao <i>Người học vận dụng linh hoạt các công cụ đổi mới sáng tạo để thiết kế mô hình kinh doanh hoặc dự án khởi nghiệp.</i> PI3.3 – Thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp <i>Người học thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo và sẵn sàng chấp nhận rủi ro có kiểm soát, tuân thủ đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong quá trình phát triển mô hình kinh doanh hoặc dự án khởi nghiệp.</i>
PLO4. Lãnh đạo và quản trị chuyển đổi số <i>Người học có khả năng quản trị quá trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.</i>	C5, P4	PI4.1 – Phân tích và đánh giá chuyển đổi số <i>Người học phân tích và đánh giá được mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của tổ chức, nhận diện cơ hội, thách thức và rủi ro trong quá trình chuyển đổi số.</i> PI4.2 – Lãnh đạo quá trình chuyển đổi số <i>Người học có khả năng lãnh đạo, điều hành quá trình chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.</i>
PLO5. Ra quyết định quản trị có trách nhiệm và hướng tới phát triển bền vững <i>Người học có khả năng vận dụng các công cụ phân tích để ra quyết định quản trị có trách nhiệm và hướng tới phát triển bền vững.</i>	P4, A3	PI5.1 – Vận dụng thành thạo các công cụ phân tích <i>Người học vận dụng thành thạo các công cụ phân tích để ra quyết định quản trị trong các tình huống kinh doanh cụ thể.</i> PI5.2 – Thể hiện thái độ cam kết và trách nhiệm nghề nghiệp <i>Người học thể hiện thái độ cam kết và trách nhiệm nghề nghiệp khi ra quyết định quản trị, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, tôn trọng lợi ích các bên liên quan và chủ động cân nhắc tác động xã hội – môi trường trong hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển bền vững.</i>

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 60 tín chỉ (không bao gồm kiến thức Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và Kỹ năng mềm)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO

- Là người đã tốt nghiệp trình độ đại học các ngành phù hợp theo quy định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu, yêu cầu hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ Khá trở lên hoặc có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Có năng lực tiếng Anh từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

- Các điều kiện khác theo quy định tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

4.2 Yêu cầu đầu vào: Đã tham dự kỳ tuyển sinh cao học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và đủ điều kiện xét trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 04 học kỳ, trong đó 3 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 kỳ tốt nghiệp. Với chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, kỳ tốt nghiệp bao gồm thực tập tốt nghiệp tại tổ chức, doanh nghiệp và làm đề án tốt nghiệp. Với chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu, kỳ tốt nghiệp chỉ bao gồm luận văn tốt nghiệp.

Học viên được đào tạo theo phương thức đào tạo tín chỉ, áp dụng Quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

a) Yêu cầu để được công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo đạt yêu cầu từ 5,5 (theo thang điểm 10) trở lên;

- Bảo vệ thành công luận văn/đề án, đạt điểm từ 5,5 (theo thang điểm 10) trở lên;

- Có trình độ tiếng Anh đạt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

- Chấp hành đúng các quy chế, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

b) Kết thúc khóa học, học viên được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng **Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh** hệ chính quy khi đã hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo thang điểm tín chỉ, trong đó điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
Không đạt	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
	Dưới 4,0	F	0,0

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng
I	Khối kiến thức chung	7 tín chỉ
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ
V	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	17 tín chỉ
	Tổng cộng	60 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình đào tạo

7.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học (<i>Philosophy</i>)	BAS4186	3	x		1	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Methodology of Scientific Research</i>)	SKD4112	2	x		1	

6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo thang điểm tín chỉ, trong đó điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các học phần.

	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
Không đạt	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
	Dưới 4,0	F	0,0

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng
I	Khối kiến thức chung	7 tín chỉ
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	18 tín chỉ
III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ
V	Thực tập và Đề án tốt nghiệp	17 tín chỉ
	Tổng cộng	60 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình đào tạo

7.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
1	Triết học (<i>Philosophy</i>)	BAS4186	3	x		1	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học (<i>Methodology of Scientific Research</i>)	SKD4112	2	x		1	

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
3	Công cụ Toán cho Kinh doanh và Quản lý (<i>Mathematical tools for Business and Management</i>)	BAS4187	2	x		1	
	Tổng		7				

7.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.2.1. Khối kiến thức cơ sở (nhóm ngành và ngành)

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
4	Kinh tế học quản trị (<i>Managerial Economics</i>)	BSA43139	3	x		1	
5	Lãnh đạo và Hành vi tổ chức (<i>Leadership and Organizational Behavior</i>)	BSA43140	3	x		1	
6	Kinh doanh điện tử (<i>E-Business</i>)	BSA4301	3	x		2	
7	Chiến lược Kinh doanh nâng cao (<i>Advanced Business Strategy</i>)	BSA43142	3	x		2	
Học phần lựa chọn (Chọn 2/4): 6TC							
8	Quản lý chuỗi cung ứng bền vững (<i>Sustainable Supply Chain Management</i>)	BSA4302	3		x	2	
9	Quản trị sự thay đổi trong kỷ nguyên số (<i>Change Management in the Digital Era</i>)	BSA4303	3		x	1	
10	Quản trị Marketing chiến lược (<i>Strategic Marketing Management</i>)	MAR4301	3		x	1	
11	Quản trị tài chính chiến lược (<i>Strategic Financial Management</i>)	FIA4301	3		x	2	
	Tổng		18				

7.2.2.2. Khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên Học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
12	Ra quyết định quản trị dựa trên dữ liệu (<i>Data-Driven Managerial Decision Making</i>)	BSA4404	3	x		2	
13	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (<i>Strategic Human Resource Management</i>)	BSA43144	3	x		2	
14	Đạo đức kinh doanh và Phát triển bền vững (<i>Business Ethics and Sustainable Development</i>)	BSA4405	3	x		3	
Nhóm học phần tự chọn: Kinh doanh số (lựa chọn theo Nhóm)							
15	Chiến lược chuyển đổi số (<i>Digital Transformation Strategy</i>)	BSA4406	3		x	3	
16	Mô hình kinh doanh & Phương pháp Lean Startup (<i>Business Model and Lean Startup Methodology</i>)	BSA4407	3		x	3	
17	Phân tích kinh doanh và Trí tuệ dữ liệu (<i>Business Analytics and Data Intelligence</i>)	BSA4408	3		x	3	
Nhóm học phần tự chọn: Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (lựa chọn theo Nhóm)							
18	Khởi nghiệp và Phát triển Start-up (<i>Start-up Launch & Development</i>)	BSA4409	3		x	3	
19	Tư duy thiết kế và Đổi mới (<i>Design Thinking & Innovation</i>)	BSA4410	3		x	3	
20	Phát triển mô hình kinh doanh (<i>Business Model Development</i>)	BSA4411	3		x	3	
Tổng			18				

7.2.3.3. Thực tập và tốt nghiệp

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Loại học phần		Học kỳ	Mã số học phần tiên quyết
				Bắt buộc	Tự chọn		
21	Thực tập tốt nghiệp (<i>Graduation Internship</i>)	BSA4512	8	x		4	
22	Đề án tốt nghiệp (<i>Graduation Project</i>)	BSA4513	9	x		4	
Tổng			17				

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1 Kế hoạch học tập chuẩn (*Chi tiết kèm theo*)

8.2 Tiến trình học tập chuẩn (*Chi tiết kèm theo*)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC MÔN HỌC CỐT LÕI

1. Triết học (Philosophy)

Mã môn học: BAS4186

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng triết học hiện đại, đặc biệt là các nguyên lý của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhằm phát triển tư duy phản biện, tư duy hệ thống và năng lực phân tích các vấn đề quản trị trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Methodology of Scientific Research)

Mã môn học: SKD4112

Số tín chỉ: 2

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về thiết kế, triển khai và đánh giá một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh. Người học phát triển tư duy nghiên cứu, năng lực xây dựng mô hình lý thuyết, kiểm định giả thuyết và viết báo cáo khoa học phục vụ luận văn thạc sĩ hoặc công bố học thuật.

3. Công cụ Toán cho Kinh doanh và Quản lý (Mathematical Tools for Business and Management)

Mã môn học: BAS4186

Số tín chỉ: 2

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho học viên các công cụ toán học và kỹ thuật định lượng cơ bản nhằm phân tích, mô hình hóa và hỗ trợ ra quyết định trong quản trị và kinh doanh. Trọng tâm là khả năng vận dụng toán học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn như tối ưu hóa nguồn lực, dự báo, phân tích chi phí – lợi ích và quản trị rủi ro.

4. Kinh tế học quản trị (Managerial Economics)

Mã môn học: BSA43139

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng kinh tế học ứng dụng trong ra quyết định quản trị. Người học vận dụng các nguyên lý của Microeconomics và Macroeconomics để phân tích hành vi doanh nghiệp, thị trường và môi trường kinh doanh vĩ mô; từ đó xây

dựng chiến lược tối ưu hóa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả tổ chức trong điều kiện cạnh tranh và biến động kinh tế.

5. Lãnh đạo và Hành vi tổ chức (Leadership and Organizational Behavior)

Mã môn học: BSA43140

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết và công cụ phân tích về hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức; đồng thời phát triển năng lực lãnh đạo, tạo động lực và quản trị thay đổi trong môi trường kinh doanh biến động. Người học có khả năng vận dụng các học thuyết hành vi và mô hình lãnh đạo để nâng cao hiệu quả tổ chức và phát triển văn hóa doanh nghiệp bền vững.

6. Kinh doanh điện tử (E-Business)

Mã môn học: BSA4301

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên kiến thức và công cụ phân tích về mô hình kinh doanh điện tử, thương mại điện tử và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Người học có khả năng thiết kế, vận hành và đánh giá hiệu quả các chiến lược kinh doanh trên môi trường số, đồng thời quản trị rủi ro và đổi mới sáng tạo trong hệ sinh thái số.

7. Chiến lược kinh doanh nâng cao (Advanced Business Strategy)

Mã môn học: BSA43142

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần phát triển năng lực tư duy chiến lược ở cấp độ doanh nghiệp và tập đoàn, giúp học viên phân tích môi trường cạnh tranh, xây dựng và thực thi chiến lược tạo lợi thế bền vững. Người học có khả năng tích hợp các công cụ phân tích chiến lược hiện đại để ra quyết định trong điều kiện biến động, bất định và cạnh tranh toàn cầu.

8. Quản lý chuỗi cung ứng bền vững (Sustainable Supply Chain Management)

Mã môn học: BSA4302

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức toàn diện về chuỗi cung ứng tích hợp theo định hướng phát triển bền vững, bao gồm các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở đó, học viên phát triển năng lực phân tích, thiết kế và tối ưu hóa chuỗi cung ứng theo hướng xanh và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và

hội nhập. Bên cạnh đó, học phần giúp nâng cao kỹ năng ra quyết định quản trị chuỗi cung ứng trong bối cảnh biến động và không chắc chắn của môi trường kinh doanh hiện đại. Đồng thời, học viên hình thành tư duy phát triển bền vững và ý thức trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong toàn bộ hoạt động chuỗi cung ứng.

9. Quản trị sự thay đổi trong kỷ nguyên số *Change Management in the Digital Era*)

Mã môn học: BSA4303

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần Quản trị sự thay đổi trong kỷ nguyên số trang bị cho học viên kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về quản trị thay đổi tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung học phần bao gồm bản chất và động lực thay đổi trong môi trường số; vai trò của lãnh đạo và quản trị nguồn nhân lực trong thay đổi; quy trình, mô hình và công cụ quản trị thay đổi; tác động của chuyển đổi số đến chiến lược, văn hóa và đổi mới tổ chức; quản trị rủi ro và đánh giá hiệu quả thay đổi; cùng với thiết kế và triển khai các kế hoạch thay đổi trong thực tiễn. Học phần hướng đến phát triển năng lực phân tích, lập kế hoạch và triển khai các sáng kiến thay đổi phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của tổ chức.

10. Quản trị Marketing chiến lược (Strategic Marketing Management)

Mã môn học: MAR4301

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết và công cụ phân tích để xây dựng, thực thi và kiểm soát chiến lược marketing ở cấp độ doanh nghiệp và đơn vị kinh doanh chiến lược (SBU). Người học phát triển tư duy chiến lược, năng lực phân tích thị trường, định vị thương hiệu và tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

11. Quản trị tài chính chiến lược (Strategic Financial Management)

Mã môn học: FIA4301

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết và công cụ phân tích tài chính phục vụ hoạch định và thực thi chiến lược doanh nghiệp. Người học có khả năng đánh giá hiệu quả đầu tư, tối ưu cấu trúc vốn, quản trị rủi ro tài chính và đưa ra quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững của tổ chức.

12. Ra quyết định quản trị dựa trên dữ liệu (Data-Driven Managerial Decision Making)

Mã môn học: BSA4404

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu phục vụ ra quyết định quản trị trong môi trường kinh doanh dựa trên dữ liệu (data-driven management). Người học có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và diễn giải dữ liệu bằng các công cụ thống kê và phần mềm phân tích hiện đại nhằm hỗ trợ quyết định chiến lược và tác nghiệp.

13. Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic Human Resource Management)

Mã môn học: BSA43144

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết và công cụ quản trị nguồn nhân lực (HRM) ở cấp độ chiến lược, nhấn mạnh vai trò của vốn nhân lực trong tạo lập lợi thế cạnh tranh bền vững. Người học có khả năng hoạch định chiến lược nhân sự phù hợp với chiến lược kinh doanh, quản trị tài năng và thúc đẩy hiệu suất tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

14. Đạo đức kinh doanh và Phát triển bền vững (Business Ethics and Sustainable Development)

Mã môn học: BSA4405

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên nền tảng lý thuyết và khung phân tích về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và phát triển bền vững. Người học có khả năng nhận diện các vấn đề đạo đức trong quản trị, đánh giá tác động xã hội – môi trường của quyết định kinh doanh và tích hợp nguyên tắc bền vững vào chiến lược doanh nghiệp.

15. Khởi nghiệp và Phát triển Start-up (Start-up Launch and Development)

Mã môn học: BSA4409

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên tư duy khởi nghiệp, năng lực nhận diện cơ hội kinh doanh và kỹ năng xây dựng, triển khai, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp trong môi trường đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Người học có khả năng thiết kế mô hình kinh doanh khả thi, huy động nguồn lực và quản trị tăng trưởng bền vững cho start-up.

16. Tư duy thiết kế và đổi mới (Design Thinking and Innovation)

Mã môn học: BSA4410

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên tư duy sáng tạo lấy con người làm trung tâm (human-centered approach), năng lực giải quyết vấn đề phức tạp và thiết kế giải pháp đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh doanh biến động. Người học có khả năng áp dụng quy trình tư duy thiết kế để phát triển sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức và start-up.

17. Phát triển mô hình kinh doanh (Business Model Development)

Mã môn học: BSA4411

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho học viên năng lực thiết kế, phân tích, đổi mới và hoàn thiện mô hình kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh, chuyển đổi số và toàn cầu hóa. Người học có khả năng xây dựng mô hình kinh doanh khả thi, kiểm chứng thị trường và tối ưu hóa giá trị tạo ra cho khách hàng, doanh nghiệp và các bên liên quan.

18. Chiến lược chuyển đổi số (Digital Transformation Strategy)

Mã môn học: BSA4406

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng lý luận và công cụ hoạch định chiến lược chuyển đổi số ở cấp độ doanh nghiệp. Học viên phát triển năng lực phân tích môi trường số, thiết kế lộ trình chuyển đổi, tích hợp công nghệ mới và lãnh đạo quá trình thay đổi nhằm tạo lợi thế cạnh tranh bền vững trong nền kinh tế số.

19. Mô hình kinh doanh & Phương pháp Lean Startup (Business Model and Lean Startup Methodology)

Mã môn học: BSA4407

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng lý thuyết và công cụ thực hành để thiết kế, kiểm định và phát triển mô hình kinh doanh trong bối cảnh số hóa và đổi mới sáng tạo. Học viên được trang bị tư duy khởi nghiệp tinh gọn (Lean Startup), kỹ năng thử nghiệm thị trường nhanh, phát triển sản phẩm khả dụng tối thiểu (MVP) và xây dựng mô hình kinh doanh có khả năng mở rộng (scalable business model).

20. Phân tích kinh doanh và Trí tuệ dữ liệu (Business Analytics and Data Intelligence)

Mã môn học: BSA4408

Số tín chỉ: 3

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp nền tảng lý thuyết và công cụ phân tích dữ liệu phục vụ ra quyết định chiến lược trong môi trường kinh doanh số. Học viên được trang bị năng lực khai thác dữ liệu lớn (Big Data), ứng dụng các mô hình phân tích nâng cao và xây dựng hệ thống Business Intelligence (BI) nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên dữ liệu (data-driven business).

21. Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship)

Mã môn học: BSA4512

Số tín chỉ : 8

Học phần tiên quyết

Tóm tắt nội dung: Học phần Chuyên đề thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, được bố trí vào giai đoạn cuối khóa học. Học phần nhằm giúp học viên vận dụng tổng hợp kiến thức và phương pháp nghiên cứu đã tích lũy để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề quản trị trong bối cảnh thực tiễn của tổ chức. Nội dung học phần tập trung vào việc xác định vấn đề nghiên cứu/ứng dụng, thu thập và phân tích dữ liệu, đề xuất giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời thể hiện năng lực tư duy phản biện, tự nghiên cứu và trách nhiệm nghề nghiệp của học viên sau đại học.

22. Đề án tốt nghiệp (Graduation Project)

Mã môn học: BSA4513

Số tín chỉ : 9

Học phần tiên quyết

Tóm tắt nội dung: Đề án là giúp học viên tích hợp và vận dụng ở mức cao các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết một vấn đề hoặc cơ hội kinh doanh cụ thể. Sau khi hoàn thành, học viên có khả năng thiết kế khung phân tích và đề xuất giải pháp chiến lược cho doanh nghiệp; đánh giá và phát triển các sáng kiến đổi mới, mô hình kinh doanh hoặc dự án khởi nghiệp; đề xuất giải pháp chuyển đổi số phù hợp; đồng thời ra quyết định quản trị có trách nhiệm, cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, lợi ích các bên liên quan và định hướng phát triển bền vững.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH
VIỄN THÔNG
PGS.TS Trần Quang Anh

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần/khác và các học phần bổ sung kiến thức		Ghi chú
			Ngành gần	Học phần bổ sung kiến thức	
Quản trị kinh doanh Mã số 8340101	Quản trị kinh doanh	- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Kinh doanh quốc tế - Marketing - Thương mại điện tử - Kinh doanh số - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1 (Ngành gần): - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1: 1. Quản trị học 2. Quản trị chiến lược 3. Quản trị vận hành 4. Phân tích kinh doanh	Số tiết 45 45 45 45
			Nhóm 2 (Ngành khác): Người đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng đang làm công tác quản trị, quản lý và có văn bằng tốt nghiệp đại học không phải là ngành đúng hoặc gần nhưng liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.	Nhóm 2: Học bổ sung 8 học phần, gồm 4 học phần thuộc Nhóm 1 và học thêm 4 học phần sau:	
				1. Kinh tế vi mô 1	45
				2. Kinh tế vĩ mô 1	45
				3. Kinh tế lượng	45
				4. Luật kinh doanh	30

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC MÔN HỌC DÙNG XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TT	Môn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 môn)		Môn Chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 môn)	
	Tên môn học/học phần	Số TC	Tên môn học/học phần	Số TC
1.	Kinh tế vi mô	3	Quản trị học	3
2.	Kinh tế vĩ mô	3	Quản trị chiến lược	3
3.	Kinh tế lượng	3	Quản trị vận hành	3

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

NĂM HỌC THỨ NHẤT			NĂM HỌC THỨ HAI		
TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC Học kỳ
1	Triết học	3 HK1	1	Tự chọn chuyên ngành	3 HK3
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 HK1	2	Tự chọn chuyên ngành	3 HK3
3	Kinh tế học quản trị	3 HK1	3	Tự chọn chuyên ngành	3 HK3
4	Công cụ Toán cho Kinh doanh và Quản lý	2 HK1	4	Đạo đức kinh doanh và Phát triển bền vững	3 HK3
5	Lãnh đạo và Hành vi tổ chức	3 HK1			
6	Tự chọn cơ sở	3 HK1			
		16			12
1	Kinh doanh điện tử	3 HK2		Thực tập tốt nghiệp	8
2	Chiến lược Kinh doanh nâng cao	3 HK2	1	Đề án Tốt nghiệp	9 HK4
3	Ra quyết định quản trị dựa trên dữ liệu	3 HK2			
4	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược	3 HK2			
5	Tự chọn cơ sở	3 HK2			
		15			17
			TỔNG CỘNG:		60

Các học phần tự chọn cơ sở:

1	Quản lý chuỗi cung ứng bền vững	3
2	Quản trị sự thay đổi trong kỷ nguyên số	3
3	Quản trị Marketing chiến lược	3
4	Quản trị tài chính chiến lược	3

Lựa chọn Nhóm học phần chuyên ngành (theo nhóm)

Nhóm Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo:

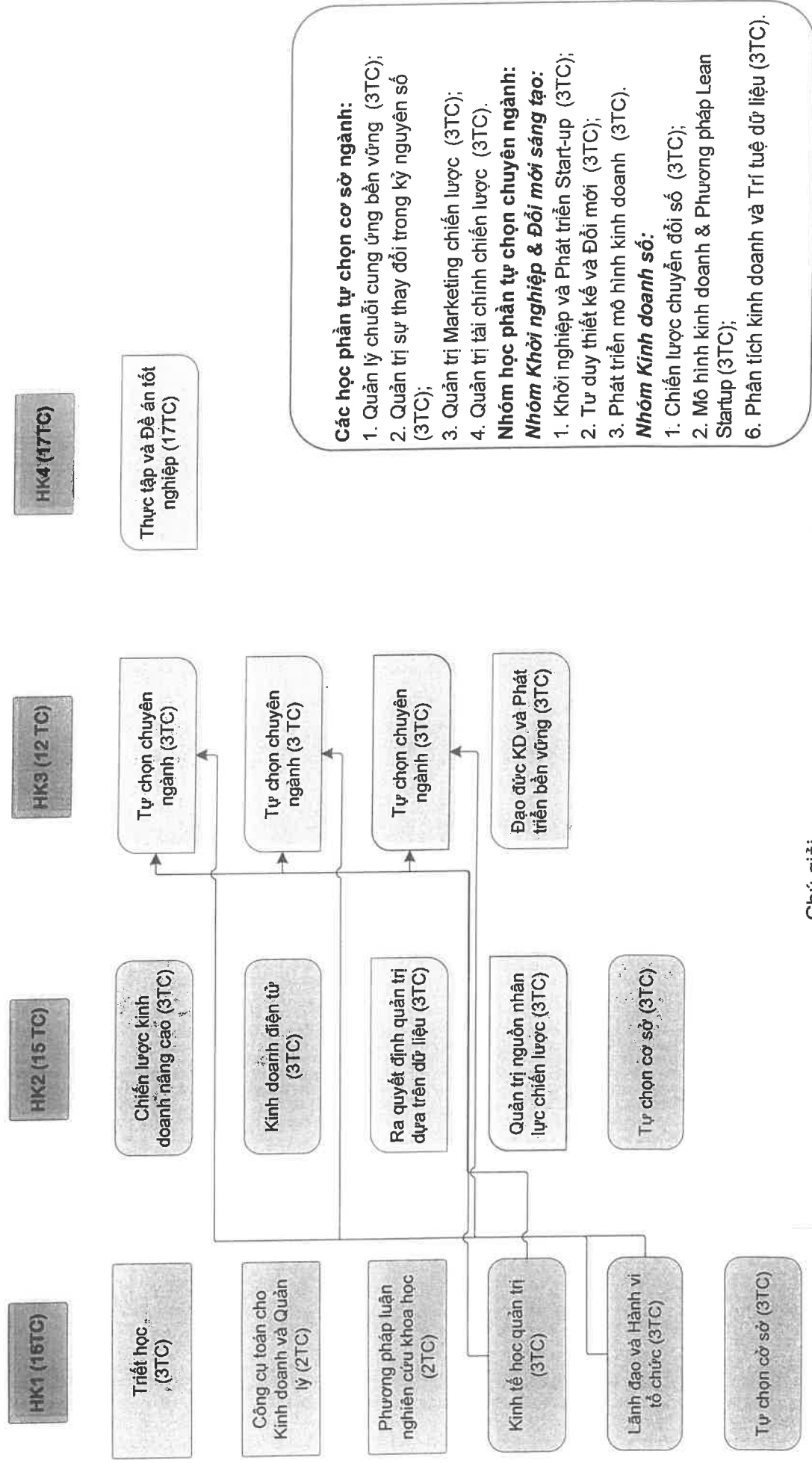
1	Khởi nghiệp và Phát triển Start-up	3
2	Tư duy thiết kế và Đổi mới	3
3	Phát triển mô hình kinh doanh	3

Nhóm Kinh doanh số:

1	Chiến lược chuyển đổi số	3
2	Mô hình kinh doanh & Phương pháp Lean Startup	3
3	Phân tích kinh doanh và Trí tuệ dữ liệu	3

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN

TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



Chú giải

- ☐ Bắt buộc chung
- ☐ Kiến thức cơ sở ngành
- ☐ Kiến thức chuyên ngành
- ☐ Học phần tiên quyết